

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày: 15 - 03 - 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Thanh Toàn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Lê Văn Thường.

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với:

1. **Bị cáo: Phạm Hoàng P** (tên gọi khác **L**), sinh ngày 27/9/1991 tại tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; số căn cước công dân: 08209101407; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành S, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972; anh chị em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005 và bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Yên T, sinh năm 1992, bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị cáo: Nguyễn Cao T** (tên gọi khác **G**), sinh ngày 24/9/1999 tại tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; số căn cước công dân: 082099005613; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh

năm 1950 và bà Trần Thị N, sinh năm 1950; anh chị em ruột: Có 13 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1997; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang đến ngày 05/02/2024 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Đồng thời, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Trần Lê Quan H** (tên gọi khác **K**), sinh ngày 12/7/1998 tại tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: ấp Ba, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; số căn cước công dân: 082098002164; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Phương V, sinh năm 1980; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là chị Nguyễn Quế H, sinh năm 1998, bị cáo chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang đến ngày 05/02/2024 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Đồng thời, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Đỗ Chí T1**, sinh ngày 15/7/1997 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Lê Quang T2**, sinh ngày 17/02/1983 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Tư, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Trần Tấn L**, sinh ngày 05/6/1989 (có mặt).

Trú tại: ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông **Trần Văn P**, sinh ngày 26/3/1960 (có mặt).

Trú tại: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh **Trần Hữu G**, sinh ngày 06/12/1999 (vắng mặt).

Trú tại: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh ngày 15/3/1975 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Lê Quốc T4**, sinh năm 01/01/2002 (vắng mặt).

Trú tại: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Lê Quốc D**, sinh ngày 16/5/2006 (vắng mặt).

Trú tại: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh D: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Nguyễn Minh T5**, sinh ngày 22/02/2001 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh **Đoàn Văn T6**, sinh ngày 16/6/1996 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2020, Phạm Hoàng P liên hệ với đối tượng mua bán súng trên mạng xã hội, đặt mua 03 khẩu súng loại ru lô kèm theo 18 viên đạn với giá 15.000.000đồng. Khoảng vài ngày sau, P nhận được điện thoại yêu cầu đến cầu vượt số 10 thuộc xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh bản Tiền Giang để nhận súng. P gặp tài xế xe tải (không biết họ tên, nhân thân, không nhớ biển số xe), giao tiền và nhận 03 khẩu súng cùng với 18 viên đạn. Sau đó, đem giấu ở căn chòi nuôi gia súc (đã bỏ hoang) của anh Đỗ Chí T1, tại ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 03/11/2023, do phát sinh mâu thuẫn với Lê Quốc T4, nên Phương lấy 03 khẩu súng nói trên, mỗi khẩu súng đã lắp sẵn 06 viên đạn, rủ Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H đến nhà của Lê Quốc T4 giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/11/2023, Phạm Hoàng P lấy 03 khẩu súng trên đưa cho Nguyễn Cao T 01 khẩu, đưa cho Trần Lê Quan H 01 khẩu đồng thời rủ đến nhà Lê Quốc T4. Khi đến nơi, Nguyễn Cao T đứng trước cửa nhà lấy súng bắn 01 phát chỉ thiên, Phạm Hoàng P đi vào nhà gặp Lê Quốc T4 nói chuyện. Sau đó P ra ngoài lấy súng bắn 02 phát chỉ thiên. Trước khi về Trần Lê Quan H bắn 02 phát và Nguyễn Cao T bắn 01 phát rồi tất cả ra về. Đi gần đến nhà của P, H và T lấy súng đưa lại cho P rồi đi về nhà, P tháo vỏ đạn bên trong súng vứt bỏ xuống kênh nước và đem 03 khẩu súng cất giấu ở chòi hoang của anh T1. Vụ việc được trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước.

Tại Kết luận giám định số 1732/KL-KTHS(Đ2) ngày 05/11/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận như sau:

1. 03 (ba) khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 là súng được chế tạo thủ công từ súng đồ chơi nguy hiểm dạng súng ổ quay; súng sử dụng để bắn được với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Hiện tại súng còn đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ. 03 (ba) khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

Sử dụng 03 (ba) khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm, đạn nổ vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc chết người.

2. 12 (mười hai) viên đạn gửi giám định ký hiệu là A4, A5 là đạn thể thao cỡ (3,6x15,5)mm và không phải là vũ khí quân dụng. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng cỡ nòng 5,6mm như: Súng ám sát hình bút, TOZS..... Các loại súng chế tạo thủ công có đường kính buồng đạn 6mm và 03 (ba) khẩu súng gửi giám định.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã thu giữ gồm:

- 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen, trên thân súng có ký hiệu “ZP-5”, “XYL221106068”.

- 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen-xám, thân súng có ký hiệu “ZP-5”, “XYL230421104”. Bên trong ổ đạn của súng có chứa 06 viên đạn bằng kim loại, màu vàng-xám, đít viên đạn có ký hiệu chữ “C”.

- 01 khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen-nâu, trên thân súng có ký hiệu “XYL230526499-357 MAG”. Bên trong ổ đạn của súng có chứa 04 viên đạn bằng kim loại, màu trắng-nâu, đít viên đạn có ký hiệu chữ “S-B” và 02 viên đạn bằng kim loại, màu vàng-xám, đít viên đạn có ký hiệu chữ “C”.

- Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám xanh, số máy G3D4E659752, số khung RLCUG0610JY633425, biển số 63B8 – 188.58 do Nguyễn Hoàng P giao nộp.

- Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh, số máy 55P1 - 291031, số khung không xác định, biển số 63B3 - 286.29 do Trần Lê Quan H giao nộp.

- Xe mô tô, nhãn hiệu Honda Future màu đỏ đen, số máy JC54E-3153279, số khung RLHJC 72EZ054551, biển số 63B8-150.17 do Nguyễn Minh T5 giao nộp.

- 01 thẻ nhớ có ký hiệu Micro HC 4GB màu đen được niêm phong.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số seri DNPSJDDZHG85.

- 01 túi xách bằng vải màu đen, loại có quai đeo và dây kéo.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho:

1. Anh Trần Tấn L, sinh năm 1989, trú tại ấp Hai, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám xanh, số máy G3D4E659752, số khung RLCUG0610JY633425, biển số 63B8 – 188.58.

2. Trần Văn P, sinh năm 1960, cư trú ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh, số máy 55P1 - 291031, số khung không xác định, biển số 63B3 – 286.29.

3. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1975, cư trú ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Xe mô tô, nhãn hiệu Honda Future màu đỏ đen, số máy JC54E-3153279, số khung RLHJC 72EZ054551, biển số 63B8 – 150.17.

Tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh tiền Giang, các bị cáo Phạm Hoàng P, Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H hoàn toàn thừa nhận hành vi của mình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. *Anh Đỗ Chí T1 vắng mặt có lời khai:* Anh và bị cáo P không có quan hệ họ hàng, do ở cùng địa phương nên anh biết bị cáo P. Anh xác định việc bị cáo P cất giấu súng tại chòi bỏ hoang của anh thì bị cáo P không có nói cho anh biết, anh cũng không biết sự việc này đến khi công an khám nghiệm hiện trường thì anh mới biết.

2. *Anh Lê Quang T2 vắng mặt có lời khai:* Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám xanh, biển số 63B8 – 188.58, xe này do anh mua và đăng ký cách đây khoảng 10 năm, cách đây khoảng 09 năm thì anh bán lại cho anh Trần Tấn L. Hiện nay chiếc xe này vẫn chưa làm thủ tục sang tên, hiện anh vẫn còn đứng tên trên giấy đăng ký xe biển số 63B8 – 188.58. Do xe đã bán nên anh không liên quan gì, cũng như anh hoàn toàn không biết bị cáo P sử dụng để phạm tội.

3. *Anh Trần Tấn L khai:* Cách thời điểm xảy ra vụ việc khoảng 03 tháng, do bị cáo P không có phương tiện đi lại nên anh cho bị cáo P mượn xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 188.58 để đi lại. Việc bị cáo P điều khiển xe nêu trên đi thực hiện hành phạm tội thì anh hoàn toàn không biết. Ngày 18/01/2024 anh đã nhận lại xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen xám xanh, biển số 63B8 – 188.58.

4. *Ông Trần Văn P khai:* Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh, biển số 63B3 – 286.29, xe này do ông mua và đứng tên đăng ký xe. Đến năm 2018 thì ông giao lại cho con ruột của ông là anh anh Trần Hữu G quản lý, sử dụng cho đến nay nhưng không có làm thủ tục sang tên. Do xe đã giao lại cho anh G nên ông không liên quan gì, cũng như ông hoàn toàn không biết bị cáo H sử dụng để phạm tội.

5. *Anh Trần Hữu G vắng mặt có lời khai:* Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh, biển số 63B3 – 286.29 là xe thuộc quyền sở hữu của anh, do cha của anh là ông Trần Văn P cho anh. Khoảng tháng 7, năm 2023, do bị cáo H không có phương tiện đi lại nên anh cho bị cáo H mượn xe nêu trên để đi lại. Việc bị cáo H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 286.29 đi thực hiện hành vi phạm tội thì anh hoàn toàn không biết. Ngày 18/01/2024 anh đã nhận lại xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh, biển số 63B3 – 286.29.

6. *Anh Nguyễn Văn T3 khai:* Anh là cha ruột của Nguyễn Minh T5. Xe mô tô, nhãn hiệu Honda Future màu đỏ đen, biển số 63B8 – 150.17 là xe của anh mua và đứng tên đăng ký xe. Đến đầu năm 2023 thì anh giao lại anh T5 quản lý, sử dụng cho đến nay nhưng không có làm thủ tục sang tên. Do xe đã giao lại cho anh T5

nên anh không liên quan gì, cũng như anh hoàn toàn không biết anh T5 sử dụng vào mục đích gì.

*** Người làm chứng:**

1. *Anh Lê Quốc T4 vắng mặt có lời khai:* Trước đây anh và bị cáo P có xảy ra mâu thuẫn do bị cáo P thiếu tiền và chửi rủa anh nên anh có gọi điện và nhắn tin với bị cáo P để nói chuyện, dẫn đến mâu thuẫn. Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 03/11/2023, bị cáo P đi xe mô tô 02 bánh chở theo bị cáo T và cùng một số người nữa đến nhà anh. Khi đến nhà anh thì bị cáo P và bị cáo T có bắn nhiều phát súng chỉ thiên để hăm dọa anh, còn những người đi cùng với bị cáo P có bắn súng không thì anh không biết do những người này đứng ngoài lộ, khoảng cách xa nên anh không nhìn rõ.

Anh T4 xác định các bị cáo chỉ bắn súng chỉ thiên nên không gây thương tích hay thiệt hại gì cho anh.

2. *Anh Lê Quốc D vắng mặt có lời khai:* Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 03/11/2023 anh đang đứng trước cửa nhà bà ngoại của anh gần nhà anh T4 (là anh ruột của anh) thì nhìn thấy bị cáo P đi xe mô tô 02 bánh chở theo bị cáo T và cùng một số người nữa đến nhà anh. Khi đến nhà anh T4 thì bị cáo P và bị cáo T có bắn nhiều phát súng chỉ thiên để hăm dọa anh T4, còn những người đi cùng với bị cáo P có bắn súng không thì anh không biết do những người này đứng ngoài lộ, khoảng cách xa nên anh không nhìn rõ.

Anh D xác định các bị cáo chỉ bắn súng chỉ thiên nên không gây thương tích hay thiệt hại gì cho ai.

3. *Anh Nguyễn Minh T5 và anh Đoàn Văn T6 vắng mặt có lời khai:* Tối ngày 03/11/2023 anh T5 và anh T6 trên đường đi nhậu về thì gặp 03 bị cáo, anh T6 rủ bị cáo T đi nhậu, thì bị cáo T nói đi công chuyện chút rồi nhậu nên anh T5 và anh T6 đi theo 03 bị cáo đến nhà anh T4. Khi đến nhà anh T4, thì anh T5 và anh T6 có nghe nhiều tiếng súng nhưng không biết ai bắn và bắn bao nhiêu phát đạn. Vì, lúc đó anh T6 đang đi vệ sinh còn anh T5 đang bấm điện thoại. Sau đó anh T6 và anh T5 đi về nhà.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTG-P1 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo :

1. Phạm Hoàng P về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm g khoản 2 Điều 304 của Bộ luật hình sự.

2. Nguyễn Cao T về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự.

3. Trần Lê Quan H về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hình phạt chính:

1. Phạm Hoàng P: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng P về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” từ 5 năm đến 6 năm tù.

2. Nguyễn Cao T: Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao T về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) năm tù.

3. Trần Lê Quan H: Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Lê Quan H về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) năm tù.

** Về vật chứng của vụ án:*

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen, trên thân súng có ký hiệu “ZP-5”, “XYL221106068”, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002693.

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen-xám, thân súng có ký hiệu “ZP-5”, “XYL230421104”, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002692.

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen-nâu, trên thân súng có ký hiệu “XYL230526499-357 MAG”, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002694.

+ 05 (năm) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu xám đen; 01 (một) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu trắng, đầu đạn màu nâu; 03 (ba) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; 03 (ba) vỏ đạn bằng kim loại màu trắng được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS3.2144677.

+ 01 (một) túi xách bằng vải màu đen, loại có quai đeo và dây kéo.

- Đề nghị tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) thẻ nhớ có ký hiệu Micro HC 4GB màu đen được niêm phong trong phong bì có dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tiền Giang và chữ ký của Phạm Hoàng Phương.

- Đề nghị tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số seri DNPSJDDZHG85.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố, không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3, anh Trần Tấn L, ông Trần Văn P không tranh luận, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Chí T1, anh Trần Hữu G và anh Lê Quang T2 vắng mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến tranh luận gì.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Chí T1, anh Trần Hữu G và anh Lê Quang T2 và người làm chứng anh Lê Quốc T4, anh Lê Quốc D (Người đại diện hợp pháp của anh D: Bà Nguyễn Thị H), anh Nguyễn Minh T5 và anh Đoàn Văn T6 vắng mặt. Xét việc anh T5, anh T6, anh G không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Đồng thời các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và có lời khai tại hồ sơ. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.1] Tại phiên tòa hôm nay, Các bị cáo gồm: Phạm Hoàng P; Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là vào khoảng tháng 08 năm 2020, thông qua mạng xã hội, Phạm Hoàng P, đặt mua 03 khẩu súng để tàng trữ trái phép tại ấp Hai, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 03 tháng 11 năm 2023, P lấy 03 khẩu súng trên đưa cho Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H cùng đến nhà anh Lê Quốc T4, tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tại đây, mỗi người bắn 02 phát đạn, qua giám định 03 khẩu súng mà các bị cáo P, T và H đã sử dụng có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

[3.2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo:

- Phạm Hoàng P phạm tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự:

- Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H phạm tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự:

“Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

g) *Vật phạm pháp có số lượng lớn”.*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định độc quyền của Nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, đe dọa đến tính mạng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được bản thân không được phép tàng trữ, sử dụng vũ khí nhưng bị cáo P đã tự ý mua và cất giữ vũ khí quân dụng tại ấp Hai, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, các bị cáo P, T, H mang ra sử dụng để bắn tại nhà anh T4 nhằm uy hiếp tinh thần của anh T4. Bị cáo P tàng trữ súng vật phạm pháp có số lượng lớn (03 khẩu súng), đây là tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo P, T có thời gian đi nghĩa vụ quân sự nên nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng vũ khí là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo P, T vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, làm mất trật tự trị an địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo P, T, H không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Xét thấy, các bị cáo Phạm Hoàng P, Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H thành khẩn khai báo đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P có thời gian 1 năm 6 tháng phục vụ trong quân đội và có bà

nội cụ bà Lê Thị H là người có công cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì. Bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội 01 năm 11 tháng, nên được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình để tuyên xử mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Đồng thời, vẫn đảm bảo tính chất khoan hồng đối với chính sách người có công với Cách mạng. Xét cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tại nơi giam giữ mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vai trò đồng phạm: Xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo P có vai trò là người mua 03 khẩu súng, lấy khẩu súng đưa cho bị cáo T, đưa cho Trần Lê Quan H 01 khẩu đồng thời rủ đến nhà Lê Quốc T4. Vì vậy, bị cáo P có vai trò khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực nên chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo Nguyễn Cao T, là người đứng trước nhà anh T4 bắn 02 phát súng; bị cáo H đứng ngoài lộ bắn 02 phát súng chỉ thiên, nhằm trực tiếp uy hiếp tinh thần của anh T4. Sau khi bắn súng xong bị cáo T, H không đưa súng lại ngay cho bị cáo P mà tiếp tục cất giấu súng trong người khi về gần đến nhà của bị cáo P mới đưa súng lại cho bị cáo P. Vì vậy, bị cáo T, H có vai trò giúp sức tích cực, uy hiếp tinh thần anh T4, nên chịu hình phạt thấp hơn hình phạt của bị cáo P.

Đối với Nguyễn Minh T5, Đoàn Văn T6 không biết, không giúp sức cho các bị cáo Phạm Hoàng P, Nguyễn Cao T và Trần Lê Quan H thực hiện hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; Đỗ Chí T1 không biết bị cáo P cất giữ 03 khẩu súng căn chòi của mình nên Cơ quan An ninh điều tra, không khởi tố, xử lý là có căn cứ.

Đối với người bán súng cho bị cáo Phạm Hoàng P, do bị cáo không xác định được họ tên, địa chỉ, thông tin người bán. Hiện, Cơ quan An ninh điều tra, tiếp tục xác minh, điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8]. Về vật chứng của vụ án:

- Vật chứng các xe mô tô Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan xong, đúng quy định.

Tịch thu tiêu hủy và sung công quỹ nhà nước các vật chứng theo đề nghị Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 01 thẻ nhớ có ký hiệu Micro HC 4GB màu đen được niêm phong vì đây là chứng cứ trong vụ án.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hoàng P; Nguyễn Cao T, Trần Lê Quan H phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2023.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cao T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/02/2024.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Lê Quan H 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/02/2024.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen, trên thân súng có ký hiệu “ZP-5”, “XYL221106068”, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002693.

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen - xám, thân súng có ký hiệu "ZP-5","XYL230421104", được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002692.

+ 01 (một) khẩu súng ổ quay bằng kim loại màu đen - nâu, trên thân súng có ký hiệu "XYL230526499-357 MAG", được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS2.2002694.

+ 05 (năm) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu vàng, đầu đạn màu xám đen; 01 (một) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu trắng, đầu đạn màu nâu; 03 (ba) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; 03 (ba) vỏ đạn bằng kim loại màu trắng được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu NS3.2144677.

+ 01 (một) túi xách bằng vải màu đen, loại có quai đeo và dây kéo.

- Tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số seri DNPSJDDZHG85.

- Lưu giữ vào hồ sơ vụ án của Tòa án: 01 (một) thẻ nhớ có ký hiệu Micro HC 4GB màu đen được niêm phong.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ. Thực hiện xử lý vật chứng khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Hoàng P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Cao T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Lê Quan H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Hoàng P; Nguyễn Cao T; Trần Lê Quan H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3, anh Trần Tấn L, ông Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Chí T1, anh Trần Hữu G và anh Lê Quang T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an huyện Tân Phước;
- Cơ quan THAHS huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Phòng KTNV&THA Toà án nhân dân tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn